

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2021.

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ya Thuyên.

Bà Đinh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về vụ việc *Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 51, đường N, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Lê Đức H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 51, đường N, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông H có quá trình tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân. Ngày 11/8/2009 bà và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT.L, huyện Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống H thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H rượu chè, cờ bạc không quan tâm gia đình chăm sóc con cái, mọi việc không giải quyết được, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019. Hiện hai cháu đang ở chung với vợ chồng ông bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai cháu. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn ông Lê Đức H trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà H do vợ chồng chỉ xích mích nhỏ trong quá trình sinh sống vợ chồng đã nói chuyện với nhau.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019. Hiện hai cháu đang ở chung với vợ chồng ông bà, vợ chồng cùng lo cho hai con. Nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông không đồng ý giao hai con cho bà H nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Công việc chính của ông là lái xe có thu nhập ổn định trung bình từ 8.000.000đồng đến 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nhưng không được vì ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H và ông Lê Đức H ly hôn. Giao con chung cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên. Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Lê Đức H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Đức H có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Đức H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông H có thời gian tìm hiểu từ năm 2007 đến 2009 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/8/2009. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên xung đột. Mặc dù, đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tuy sống chung nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau, dù bà H đã cho ông H nhiều cơ hội để hàn gắn xây dựng gia đình nhưng ông H không thay đổi. Vợ chồng không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông H tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông H là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019 là con chung của bà H và ông H nên ông bà đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009, có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019 dưới 36 tháng tuổi. Bản thân ông H không tu chí làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, trước đây bà H đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Bản thân ông H từng có bản cam kết sửa chữa thay đổi bản thân nhưng vẫn không khắc phục được nên cần thiết giao cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp pháp luật. Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Lê Đức H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H với ông Lê Đức H ly hôn.

Về con chung: Giao bà Trần Thị H nuôi con chung cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Đức H, sinh ngày 09/02/2019 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001041 ngày 02/02/2021. Như vậy, bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Trần Thị H có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Lê Đức H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân TT.L, huyện Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 267; Quyền 01/2009, ngày 29/8/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ